

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa, từ 150 giường bệnh lên 180 giường bệnh tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 21/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-KBNN ngày 10/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án: Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án xác định mục tiêu, quy mô giường bệnh, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của Bệnh viện Mắt Thanh Hóa thực hiện theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án: Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa, từ 150 giường bệnh lên 180 giường bệnh tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Bệnh viện Mắt Thanh Hóa; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 268/CV-BVM ngày 14/9/2021 của Bệnh viện Mắt Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 884/Tr-STNMT ngày 28/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa, từ 150 giường bệnh lên 180 giường bệnh tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Bệnh viện Mắt Thanh Hóa (sau đây gọi là Chủ dự án), với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Giám đốc Bệnh viện Mắt Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa, từ 150 giường bệnh
lên 180 giường bệnh tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa,
tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa, từ 150 giường bệnh lên 180 giường bệnh tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Mắt Thanh Hóa
- Đại diện chủ dự án: Ông Phạm Văn Dung
- Chức vụ: Giám đốc
- Phương tiện liên lạc: 02373.951.079
- Địa chỉ trụ sở: Số 215, đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:
 - + Quy mô: 180 giường bệnh.
 - + Tổng diện tích đất thực hiện dự án: 3.194,0 m², bao gồm các hạng mục công trình sau:

Các hạng mục công trình xây dựng mới: Nhà khám bệnh - Cận lâm sàng
 - Dinh dưỡng và các phòng chức năng; Nhà để xe (số 1, 2); kho chứa CTR, CTNH.

Các hạng mục công trình giữ nguyên hiện trạng: Nhà điều trị bệnh nhân; nhà quản lý hành chính; nhà trực bảo vệ và các công trình phụ trợ như: bể nước ngầm, trạm xử lý nước thải,....

2. Các tác động môi trường chính khi bệnh viện đi vào hoạt động ổn định

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh cá nhân, từ hoạt động ăn uống có lưu lượng 40,9 m³/ngày.đêm (trong đó, nước thải từ nhà vệ sinh: 14,6 m³/ngày.đêm; nước tắm rửa, giặt giũ: khoảng 17,6 m³/ngày.đêm; nước thải từ nhà ăn: 8,7 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- *Nước thải y tế:* Phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh tại các khoa phòng với lưu lượng 17,6 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: NH₄⁺, Sulfua, BOD, COD, TSS, Coliform....

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong hoạt động của các phương tiện ra vào bệnh viện; hoạt động của bệnh viện; hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thành phần chủ yếu: Bụi, NO₂; SO₂; CO₂,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 183,1kg/ngày.đêm* từ quá trình vệ sinh buồng bệnh và khoa dinh dưỡng (thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, vỏ rau quả, túi nilon,...) và Phòng hành chính (thành phần chủ yếu: Giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, túi đựng phim,...).

- *Chất thải y tế thông thường phát sinh khoảng 15,3 kg/ngày.đêm.* Thành phần chủ yếu: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- *Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm gồm:* Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn chứa các vật phẩm y tế mang các vi khuẩn, vi trùng gây bệnh,... có khối lượng khoảng 20,0 kg/ngày; chất thải y tế nguy hại sắc nhọn khoảng 3,0 kg/tháng; chất thải giải phẫu không đáng kể.

- *Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm gồm:* dược phẩm hết hạn sử dụng và vỏ lọ hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; bóng đèn neon bị hỏng, pin, ắc quy, dè lau dính dầu, mỡ,... khoảng 5,0 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

Nước mưa chảy tràn trên mái và trong khuôn viên bệnh viện được thu gom bằng đường ống riêng, sau đó dẫn vào mương thu gom nước thải chung của Bệnh viện, có chiều dài khoảng L = 528,0 m, có nắp đậy bằng tấm đan bê tông; trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn, số lượng 12 hố ga, kích thước: 1,0m x 1,0m x 1,0m) trước khi thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải bệnh viện:*

- Nước thải từ quá trình tắm rửa: Được thu gom về các đường ống, dẫn nước qua các hố ga bố trí tại các khu nhà trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm của Bệnh viện để xử lý.

- Nước thải từ khu vệ sinh: Được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (06 bể với tổng thể tích V = 140 m³), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn: Được thu gom qua song chắn rác và bể tách dầu mỡ có thể tích 4,0m³, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

- Nước thải y tế: Được thu gom bằng đường ống dẫn nước về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm như sau:

Nước thải → Bể điều hòa → Khử Nitơ → Bể hiếu khí (có đệm vi sinh di động) → Bể tách nước tuần hoàn → Bể lọc sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung khu vực → sông Nhà Lê.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực dẫn ra sông Nhà Lê.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Lắp đặt hệ thống quạt, điều hòa, quạt thông gió,... tại các phòng khám, chữa bệnh, phòng làm việc; chụp hút tại khu vực nhà bếp; quạt hút mùi tại các phòng vệ sinh,...

- Thường xuyên vệ sinh, sát khuẩn các khoa phòng, khuôn viên bệnh viện; thay thế những nắp cống hỏng; định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

- Các labo xét nghiệm, kho hóa chất, dược phẩm phải bố trí hệ thống thông khí cục bộ và xử lý khí độc như chụp hút, tủ hút...

- Sử dụng thêm các chế phẩm vi sinh xử lý mùi hôi, khử khuẩn như: Enchoice, EM, CloraminB,... Các chế phẩm vi sinh được phun trực tiếp vào các nguồn có khả năng phát sinh mùi, các khu vệ sinh, khu tập kết rác thải. Với ước tính khối lượng hóa chất khử trùng, sát khuẩn bệnh viện định kỳ 01 tuần/lần và 2,0kg/lần.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân loại theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Tại các khoa phòng sử dụng 80 thùng đựng rác các loại (5 lít, 10 lít, 20 lít) bằng composit đặt tại các hành lang các nhà khám, chữa bệnh, khu vực nhà bếp..., toàn bộ rác thải được thu gom, lưu chứa tại ngăn chứa chất thải rắn thông thường (có diện tích 6,0m²) tại góc phía Tây Nam dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 02 lần/ngày.

- Chất thải y tế thông thường được thu gom vào 20 xô y tế (10 lít/xô); sau đó, được tập kết vào 02 thùng chuyên dụng (240 lít/thùng) đặt tại nhà ngăn tập kết rác thải y tế thông thường có diện tích 6,0 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm không sắc nhọn được thu gom vào 20 xô y tế loại 10 lít và 02 thùng composit loại 60 lít; sau đó, tập trung vào 02 thùng chứa (240 lít) đặt tại ngăn lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 6,0 m²; chất thải giải phẫu được thu gom vào 01 hộp nhựa có dán nhãn (2 lít/hộp); sau

đó hợp đồng với Bệnh viện Nhi Thanh Hóa thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm sắc nhọn (kim tiêm, lưỡi dao mổ,...) được thu gom riêng vào 10 hộp an toàn màu vàng (3 lít/hộp) đựng kim tiêm và bơm tiêm sau sử dụng; sau đó thu gom tập trung về 02 hộp màu vàng (loại 20 lít/hộp) đặt tại ngăn chứa chất thải nguy hại; định kỳ, hợp đồng với Bệnh viện có chức năng thu gom, cô lập tại các bể bê tông hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm như: dược phẩm hết hạn sử dụng và vỏ lọ hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; pin, ác quy, bóng đèn neon hỏng... được lưu trữ trong 03 thùng chứa rác thải nguy hại sinh hoạt (240 lít) riêng biệt đặt tại ngăn lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 6,0 m²; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nhà lưu giữ chất thải có tổng diện tích 12m², được chia làm 02 ngăn riêng biệt (06 m²/ngăn) chứa chất thải thông thường và chất thải nguy hại; bên trong các ngăn có bố trí các thùng composit lưu trữ chất thải.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động các tia bức xạ từ khoa chẩn đoán hình ảnh

- Các thiết bị chụp X-quang, Phòng chiếu chụp X-quang được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 365:2007 - Tiêu chuẩn thiết kế Bệnh viện đa khoa. cụ thể: Trần, tường, cửa ra vào các phòng chiếu, chụp được ốp bằng vật liệu cản tia bức xạ X, cánh cửa làm bằng vật liệu chì; định kỳ kiểm tra mức độ hoạt động an toàn của máy X - quang. Nhân viên vận hành máy được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và được khám sức khỏe định kỳ.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát môi trường không khí

- *Chỉ tiêu giám sát:* Bụi, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S.

- *Vị trí giám sát:*

+ KK1: Khu vực XLNT tập trung của Bệnh viện.

+ KK2: Khu vực thu gom, tập kết chất thải rắn của Bệnh viện.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 02:2019/BYT về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b. Giám sát môi trường nước

- *Thông số giám sát:* pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, Sulfua, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- *Vị trí giám sát:*

+ NT1: Mẫu nước thải đầu vào của HTXLNTTT;

+ NT2: Mẫu nước thải đầu ra của HTXLNTTT trước khi thải ra môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 28:2010/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

c. *Giám sát tổng lượng thải*

- *Các vấn đề cần giám sát:*

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ rác thải sinh hoạt;

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải nguy hại;

+ Lập sổ theo dõi, thống kê khối lượng từng loại chất thải nguy hại;

- *Vị trí giám sát:*

+ Tại khu vực lưu trữ rác thải của Bệnh viện.

+ Tại các khoa, phòng của Bệnh viện./.